

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2018/DS-ST  
Ngày: 19 - 6 -2018  
V/v: Tranh chấp hợp  
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tống Văn Long.

2. Ông Hoàng Xuân Ty.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố B tham gia phiên tòa:** ông Đặng Xuân Hùng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp "*hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Trường X, sinh năm 1963

Và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số 56/30 đường Đoàn Thị Đ, thôn Thanh X, xã Lộc Th, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông X:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số 56/30 đường Đoàn Thị Đ, thôn Thanh X, xã Lộc Th, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2017).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 167 đường Nguyễn Văn C, phường Lộc P, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Ch có mặt, bà T vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Trường X là bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Vào đầu năm 2017 vợ chồng bà có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T 01 diện tích đất có chiều ngang 5m, chiều sâu 30m tại phường Lộc P, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng với giá thỏa thuận là 750.000.000đ. Hai bên đến phòng công chứng Đỗ Hữu S làm thủ tục chuyển nhượng theo qui định của pháp luật. Bà T đã trả cho vợ chồng bà được số tiền 250.000.000đ, số tiền còn lại 500.000.000đ bà T xin khất nợ hẹn sẽ trả sau khi làm thủ tục sang tên xong. Sau đó vợ chồng bà đã hoàn tất thủ tục sang tên thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị T nhưng bà T chưa có tiền trả, lúc này bà T đề nghị chuyển số tiền 500.000.000đ còn nợ thành tiền vay và vợ chồng bà cũng đồng ý. Đến ngày 23/3/2017 vợ chồng bà và bà T thống nhất đến phòng công chứng Đỗ Hữu S lập hợp đồng vay số tiền 500.000.000đ (thực chất là số tiền nợ chuyển nhượng đất), thỏa thuận thời hạn vay 45 ngày, không tính lãi suất. Hết thời hạn trên vợ chồng bà đòi nhiều lần nhưng bà T vẫn không chịu trả tiền cho vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu bà T trả cho vợ chồng bà số tiền vay còn nợ là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), ngoài ra vợ chồng bà không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Kiểm sát viên Viện kiểm nhân dân Thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông X, bà Ch đòi bà T trả số tiền vay 500.000.000đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu của ông Phan Trường X và bà Nguyễn Thị Ch yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay còn nợ 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo ông X, bà Ch trình bày số tiền 500.000.000đ này thực chất là số tiền bà T còn nợ từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng sau đó bà T và vợ chồng ông, bà đã thống nhất chuyển thành khoản tiền vay. Vợ chồng ông X, bà Ch và bà T đã thống nhất lập bản hợp đồng vay tiền vào ngày 23/3/2017 tại văn phòng công chứng Đỗ Hữu S, việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện. Nội dung trong bản hợp đồng vay tiền các bên đã đọc và đồng ý ký tên, điểm chỉ, qua đó thể hiện rõ ý chí của các bên đã thống nhất chuyển khoản tiền nợ từ việc chuyển nhượng đất thành khoản tiền vay. Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định việc bà Nguyễn Thị T vay và còn nợ lại ông X, bà Ch số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) là có thật.

[3]. Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466, 470, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trường X và bà Nguyễn Thị Ch. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông X, bà Ch 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) tiền vay còn nợ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Ông Phan Trường X và bà Nguyễn Thị Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông X, bà Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002096 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND Thành phố B;
- + T.H.A Thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**